

An Giang, ngày 21 tháng 5 năm 2025

**BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN NGẮN
TỈNH AN GIANG**

1. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua:

Mức nước trên các sông, kênh, rạch trong phạm vi tỉnh trong 24 giờ qua chịu ảnh hưởng chế độ dòng chảy sông Mekong, thủy triều vùng hạ lưu sông và quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi nội vùng, diễn biến xu thế mực nước xuống chậm.

- Khu vực thượng nguồn sông Mekong (Kratie): mực nước biến đổi chậm.

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long (Tân Châu, Khánh An, Châu Đốc): mực nước xuống chậm. Mực nước cao nhất ngày 20/5/2025 ở mức cao hơn cùng kỳ năm 2024 và TBNN từ 5-45cm; mực nước thấp nhất ngày ở mức xấp xỉ và thấp hơn cùng năm 2024 và TBNN từ 5-25cm.

- Vùng hạ lưu sông (Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên): mực nước xuống chậm. Mực nước cao nhất ngày 20/5/2025 ở mức cao hơn cùng kỳ năm 2024 và TBNN từ 5-30cm; mực nước thấp nhất xấp xỉ và thấp hơn cùng kỳ năm 2024 và TBNN từ 5-10cm.

- Khu vực nội đồng Tứ giác Long Xuyên (TGLX): mực nước trên các kênh, rạch lên chậm, mực nước cao nhất và thấp nhất cao hơn cùng kỳ 2024 và TBNN từ 10-40cm.

2. Dự báo, cảnh báo:

- Trên hệ thống sông chính, mực nước cao nhất biến đổi theo triều trong những ngày tới, mực nước thấp nhất biến đổi chậm; Khu vực nội đồng TGLX, mực nước trên các kênh, rạch xuống chậm trong những ngày tới.

- Khả năng xuất hiện các hiện tượng thủy văn nguy hiểm trong thời hạn dự báo: Có khả năng xuất hiện hạn hán và thiếu hụt nguồn nước cục bộ tại một số khu vực thuộc hai huyện Tịnh Biên và Tri Tôn; Biên độ mực nước dao động lớn và mực nước xuống thấp, nguy cơ xảy ra sạt lở bờ sông, kênh, rạch.

- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội: Các hiện tượng thủy văn nguy hiểm gây ảnh hưởng đến các hoạt động dân sinh, kinh tế - xã hội tại địa phương.

3. Ghi chú:

Thông tin dự báo được đăng trên website: <http://kttv.angiang.gov.vn/thuy-van>

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 11h30' ngày 22/5/2025

Tin phát lúc: 11h30'

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**

Phan Minh Đạt

Phụ lục

Phụ lục 1: Bảng mực nước thực đo và dự báo các trạm

Bảng 1.1a: Mực nước thực đo và dự báo các trạm trong vùng ảnh hưởng triều

Đơn vị: cm

sông, kênh, rạch	Trạm	Cấp báo động lũ			Thực đo (20/5)						Dự báo mực nước cao nhất					Dự báo mực nước thấp nhất				
					Hmin			Hmax			21/5	22/5	23/5	24/5	25/5	21/5	22/5	23/5	24/5	25/5
		BĐI	BĐII	BĐIII	Trị số	So với cùng kỳ 2024	So với TBNN	Trị số	So với cùng kỳ 2024	So với TBNN										
Tiền	Tân Châu	350	400	450	-35	-14	-31	114	3	15	119	121	120	118	115	-32	-27	-24	-28	-34
Ông Chường	Chợ Mới	200	250	300	-49	-25	-13	119	3	23	125	127	126	124	121	-46	-41	-38	-42	-48
Hậu	Khánh An	420	470	520	7	10	-25	100	18	-3	103	104	103	101	98	11	16	19	15	9
Hậu	Châu Đốc	300	350	400	-34	-24	-20	131	-2	28	136	139	138	136	133	-31	-26	-23	-27	-33
Hậu	Long Xuyên	190	220	250	-44	-30	2	131	-2	28	137	142	141	139	136	-42	-37	-34	-38	-44
Vàm Nao	Vàm Nao	250	290	330	-46	-27	-17	123	3	22	126	128	127	125	122	-43	-38	-35	-39	-45
Vĩnh Tế	Xuân Tô	300	350	400	30	27	20	58	33	20	60	59	57	54	51	36	38	36	33	30
Vĩnh Tế	Vĩnh Gia	200	240	280	46	33	27	59	40	32	61	60	58	55	52	56	58	56	53	50
Tri Tôn	Tri Tôn	200	240	280	30	27	20	61	30	23	63	62	59	56	53	36	38	36	34	31
Tri Tôn	Cô Tô	140	180	220	51	21	32	75	31	43	77	76	72	70	66	56	58	56	54	51
Tám Ngàn	Lò Gạch	170	210	250	35	25	23	54	34	32	56	55	53	50	47	45	47	45	42	39
Ba Thê	Vọng Thê	140	180	220	64	20	31	89	28	38	91	90	86	84	80	61	63	61	59	56
Núi Chóc Nặng Gù	Vĩnh Hanh	190	230	270	56	17	22	101	17	32	103	102	98	96	92	53	55	53	51	48
Rạch Giá Long Xuyên	Núi Sập	140	180	220	52	18	16	81	24	24	83	82	78	76	72	58	60	58	56	53

Phụ lục 2: Đường quá trình diễn biến mực nước thực đo và dự báo các trạm

